

Bản án số: 130/2022/HC-PT
Ngày: 13/5/2022
V/v “*Khởi kiện QĐHC, HVHC
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn.

Các thẩm phán: - Ông Nguyễn Tấn Trường.
- Ông Phạm Tồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 312/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 11 năm 2021, về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1550/2022/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trương Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Người bị kiện:

1. UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên;
2. Chủ tịch UBND thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Huỳnh Nguyễn Ngọc G - Phó chủ tịch UBND thị xã Đ; có Văn bản số 1769/UBND-BTD ngày 06/4/2022 xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D - Chủ tịch UBND xã có Đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trung Tâm phát triển quỹ đất thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Th - Phó giám đốc có Văn bản số 83/TTPTQĐ ngày 5/5/2022 xin xét xử vắng mặt.

3. Phòng TN&MT thị xã Đ, Phú Yên.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn H1 - Trưởng phòng Phòng TN&MT thị xã Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt (Văn bản số 221/TNMT ngày 4/4/2022 của ông Nguyễn Văn H1).

4. Bà Phạm Thị Thanh H2, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; có mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa vợ chồng ông Trương Văn N, bà Phạm Thị Thanh H2 thống nhất trình bày:

Năm 1994, vợ chồng ông N, bà H2 khai hoang, sử dụng diện tích đất khoảng 7.000m² tại thôn P, xã H để trồng cây bạch đàn, cây điều (đào). Quá trình sử dụng nhà nước không thu thuế sử dụng đất nên vợ chồng ông N không nộp thuế. Năm 2001, ông N có đơn xin xác nhận diện tích đất trồng cây khoảng 7.000m² và được UBND xã xác nhận. Năm 2004, ông N tiếp tục có đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất có xác nhận của 03 người làm chứng và trưởng thôn P. Năm 2016, để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V, nhà nước đã đo đạc diện tích đất thực tế vợ chồng ông N sử dụng là 6.505m² (thửa 32 và 57). Tuy nhiên, chỉ bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông N đối với diện tích 1.479,7m², còn lại 5.025,3m² không bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng ông N vì cho rằng đất công ích do UBND xã quản lý.

Năm 1995-1996, nhà nước đo đạc bản đồ địa chính, lập sổ mục kê, sổ địa chính nhưng không thông báo cho vợ chồng ông N biết để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất. Việc UBND xã chỉ căn cứ sổ mục kê, sổ địa chính lập tháng 12/1998 để xác định 5.025,3m² thuộc đất UBND xã quản lý là không đúng, vì vợ chồng ông N đã khai hoang, sử dụng đất từ năm 1994 đến nay. Quá trình sử dụng

cơ quan có thẩm quyền không xử lý vi phạm hành chính, không ngăn cản hay thông báo về việc đất nhà nước quản lý. Hội đồng xét nguồn gốc đất UBND xã xác định vợ chồng ông N sử dụng đất sau năm 1994 đến trước năm 1998 là không đúng thực tế.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N (lần đầu); Buộc UBND huyện Đ thực hiện thủ tục thu hồi diện tích đất 5.025,3m², bồi thường và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật (thuộc thửa 32, 57, tờ bản đồ trích đo số 3, bản đồ đo đạc thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V).

Tại phiên tòa, ông N bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; và yêu cầu sửa một phần Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V tại xã H, huyện Đ (đợt 31).

Theo các văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V, chủ đầu tư thuê đơn vị đo đạc hiện trạng, xác định ranh giới, lập hồ sơ kỹ thuật để quy chủ sử dụng đất. Hiện trạng, ông N sử dụng hai thửa đất 32 (3.201m²) và 57 (3.304m²), tờ bản đồ trích đo số 03, qua đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thì thuộc các thửa 61, 62, 63 và 83 tờ bản đồ số 117B. Theo sổ mục kê, sổ địa chính lập và phê duyệt tháng 12/1998 thì thửa 61, 62, 63 là đất công ích do UBND xã quản lý, do đó ông N chỉ được quy chủ, bồi thường 1.479,7m² đất thuộc thửa 83, còn 5.025,3m² đất thuộc thửa 61, 62, 63 quy chủ UBND xã quản lý nên không bồi thường cho ông N.

Thời điểm ông N sử dụng 02 thửa đất 32, 57 phải sau khi đo đạc bản đồ địa chính năm 1996 nên mới có sự chồng lấn các thửa đất khi đối chiếu bản trích đo hiện trạng với bản đồ đo đạc năm 1996. Ngoài ra, cùng thời điểm sử dụng đất tại khu vực này với ông N có hộ ông Nguyễn Thanh H3, ông Phan Văn C1 đã được UBND xã xác định thời điểm sử dụng đất là sau năm 1999, nhưng UBND xã xác định ông N khai hoang, sử dụng đất từ sau năm 1994 đến trước năm 1998 là không có cơ sở.

Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, có hộ ông N được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 209.014.300đ đối với diện tích 1.479,7m², Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 5482/QĐ-

UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông N là có cơ sở, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

UBND xã H trình bày: Căn cứ để xác định 5.025,3m² đất ông N sử dụng tại 02 thửa 32, 57 tờ bản đồ trích đo số 03 thuộc đất công ích do UBND xã quản lý là sổ mục kê, sổ địa chính lập và phê duyệt tháng 12/1998. Ngoài ra, biên bản họp xét quy chủ, nguồn gốc đất, thời gian sử dụng đất ngày 25/4/2016 UBND xã xác định thời điểm vợ chồng ông N khai hoang, sử dụng đất là sau năm 1994 đến trước năm 1998. Hiện nay các thửa đất này chưa giải phóng mặt bằng, vợ chồng ông N vẫn đang quản lý, sử dụng và thuộc quy hoạch dự án nhà máy lọc dầu V.

Đại diện Trung tâm phát triển quỹ đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường thống nhất trình bày của người bị kiện.

Lời trình bày của người làm chứng:

- Ông Phạm H3: Ông sinh năm 1963 tại thôn P, xã H và lớn lên tại địa phương, đến năm 1989 vợ chồng ông xây dựng nhà ở riêng cách nhà ông N khoảng 100m, cách diện tích đất ông N yêu cầu bồi thường khoảng 200m nên ông biết rõ vợ chồng ông N khai hoang đất từ năm 1994. Đến năm 1995-1996 thì ông N trồng cây bạch đàn, điều trên đất cho đến hiện nay vẫn còn cây trồng trên đất.

- Ông Phan Xuân K1: Ông sinh năm 1957 tại thôn P, xã H và lớn lên tại địa phương, đến năm 1987 ông xây dựng nhà riêng cách khu đất ông N đang khởi kiện yêu cầu bồi thường khoảng 500m. Ông thấy ông N khai hoang đất từ năm 1994, đến năm 1995-1996 thì trồng cây bạch đàn, phi lao, điều. Cùng thời điểm năm 1994 ông K1 cũng khai hoang đất trồng cây tại khu vực này, hiện nay ông vẫn canh tác thửa đất, nằm ngoài phạm vi thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V.

- Ông Trần M1: Năm 1989 ông xây dựng nhà ở cách khu đất ông N đang khởi kiện yêu cầu bồi thường khoảng 200m, nên thấy ông N khai hoang khu đất từ năm 1994, đến năm 1995-1996 thì ông N trồng cây điều, bạch đàn, hiện nay vẫn còn cây trồng trên đất.

- Ông Nguyễn T2: Năm 1994 vợ chồng ông xây dựng nhà ở tại địa phương thì thấy ông N khai hoang diện tích đất vào năm 1994, đến năm 1995-1996 thì ông N trồng cây.

- Ông Phan Văn C1: Năm 2000 vợ chồng ông xây dựng nhà ở tại địa phương, gần khu đất ông N nên thấy thời điểm đó đất ông N đã trồng cây điều và thu hoạch điều.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 24/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 76, khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 24 Nghị định số

47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử: **Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N.**

- Về yêu cầu sửa một phần Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V tại xã H, thị xã (huyện) Đ – phần 404ha xây dựng nhà máy (đợt 31).

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N (lần đầu).

- Về yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật (diện tích đất 5.025,3m², thửa 32 và 57 tờ bản đồ trích đo số 03, bản đồ đo đạc thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2021, ông Trương Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm có nội dung: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ngày 15/10/2021, Viện trưởng VKSND tỉnh Phú Yên có Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-HC kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm có nội dung: đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại Văn bản xin xét xử vắng mặt người bị kiện là UBND thị xã Đ và Chủ tịch UBND thị xã Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thanh H2: Thông nhất trình bày của người khởi kiện.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm thực hiện đúng theo quy định luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Văn N và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, thấy: Thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V, chủ đầu tư thuê đơn vị đo đạc hiện trạng, xác định ranh giới, lập hồ sơ kỹ thuật để quy chủ sử dụng đất. Hiện trạng, ông N sử dụng hai thửa đất số 32 (3.201m²) và số 57 (3.304m²), tờ bản đồ trích đo số 03, qua đối chiếu với bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thì thuộc các thửa 61, 62, 63 và 83 tờ bản đồ số 117B. Theo sổ mục kê, sổ địa chính lập và phê duyệt tháng 12/1998 thì thửa 61, 62, 63 là đất công ích do UBND xã quản lý, do đó ông N chỉ được quy chủ, bồi thường 1.479,7m² đất thuộc thửa 83, còn 5.025,3m² đất thuộc thửa 61, 62, 63 quy chủ UBND xã quản lý nên không bồi thường cho ông N. Theo UBND xã H trình bày thì: Căn cứ để xác định 5.025,3m² đất ông N sử dụng tại 02 thửa 32, 57 tờ bản đồ trích đo số 03 thuộc đất công ích do UBND xã quản lý là sổ mục kê, sổ địa chính lập và phê duyệt tháng 12/1998. Ngoài ra, biên bản họp xét quy chủ, nguồn gốc đất, thời gian sử dụng đất ngày 25/4/2016, UBND xã xác định thời điểm vợ chồng ông N khai hoang, sử dụng đất là sau năm 1994 đến trước năm 1998. Hiện nay các thửa đất này chưa giải phóng mặt bằng, vợ chồng ông N vẫn đang quản lý, sử dụng và thuộc quy hoạch dự án nhà máy lọc dầu V. Ông Trương Văn N (người khởi kiện) cho rằng: Năm 1994, vợ chồng ông N, bà H2 khai hoang, sử dụng diện tích đất khoảng 7.000m² tại thôn P, xã H để trồng cây bạch đàn, cây điều (đào); quá trình sử dụng ông N thừa nhận ông không đăng ký, kê khai với chính quyền là UBND xã H. Vợ chồng ông N và bà H2 không có ý kiến trong Bản kiểm kê đất đai; không có ý kiến kết luận nguồn gốc đất khi quy chủ, vợ chồng Ông N cũng đã được cân đối giao đất nông nghiệp ở vị trí khác; do đó Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, có hộ ông N được bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 209.014.300đ đối với diện tích 1.479,7m², Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là đúng quy định pháp luật. Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông N là có cơ sở, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Tòa án sơ thẩm đã **Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N: (1)** Về yêu cầu sửa một phần Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V tại xã H, thị xã (huyện) Đ – phần 404ha xây dựng nhà máy (đợt 31); (2) Về yêu cầu hủy Quyết định số

803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; (3) Về yêu cầu hủy Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N (lần đầu); (4) Về yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật (diện tích đất 5.025,3m², thửa 32 và 57 tờ bản đồ trích đo số 03, bản đồ đo đạc thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V) là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm ông N kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị nhưng không có chứng cứ nào mới khác; do đó không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Văn N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Án phí: Ông Trương Văn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trương Văn N; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 24/2021/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên về việc: “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn N.

- Về yêu cầu sửa một phần Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V tại xã H, thị xã (huyện) Đ – phần 404ha xây dựng nhà máy (đợt 31).

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 5482/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Trương Văn N (lần đầu).

- Về yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã (huyện) Đ thực hiện thủ tục thu hồi, bồi thường về đất và hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật (diện tích đất

5.025,3m², thửa 32 và 57 tờ bản đồ trích đo số 03, bản đồ đo đạc thực hiện dự án nhà máy lọc dầu V).

2. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Ông Trương Văn N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8519 ngày 14/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

- Ông Trương Văn N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng); được trừ vào tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000134 ngày 21/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Ông Trương Văn N đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, gửi mẫu vật giám định: Căn cứ vào các Điều 358, 359, 362, 363 Luật Tố tụng hành chính, ông Trương Văn N phải chịu 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), đã nộp đủ.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn